

Số: 98/2020/QĐST- HNGĐ

Hà Giang, ngày 23 tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 134/2020/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2020; giữa:

- Nguyên đơn: Chị Phùng Thị N

Địa chỉ: Tập thể trường Mầm non H, tổ 15, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H

Địa chỉ: Phòng Cảnh sát T Công an tỉnh Hà Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15/7/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phùng Thị N; địa chỉ: Tập thể trường Mầm non H, tổ 15, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang và anh Nguyễn Văn H; địa chỉ: Phòng Cảnh sát T Công an tỉnh Hà Giang.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị N và anh Nguyễn Văn H nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Khánh M, sinh ngày 16/01/2019, cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Anh H cấp dưỡng nuôi cháu M theo mức 2.000.000đ/1 tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/8/2020 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi, chị N là người trực tiếp nhận tiền cấp dưỡng. Anh H có quyền nghĩa vụ chăm sóc con chung.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung là không cố định.

Kể từ ngày từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về Tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị N tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn 150.000đ và án phí cấp dưỡng nuôi con chung 150.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, biên lai thu số 0002162 ngày 09/6/2020.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- UBND xã Hùng A, huyện B, tỉnh Hà Giang;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thanh Bình